

Số: 1065/BVNHN-VTTBYT
V/v yêu cầu báo giá vật tư y tế, công
cụ dụng cụ bổ sung phục vụ cho
chuyên môn năm 2025 của Bệnh viện
Nhi Hà Nội

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay Bệnh viện Nhi Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá vật tư y tế, công cụ dụng cụ bổ sung phục vụ cho chuyên môn năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà Nội với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của Đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Hà Nội (Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội)

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện Nhi Hà Nội; Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội; Nguyễn Huy Nam (SĐT: 09.6767.8388)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Văn thư - Bệnh viện Nhi Hà Nội; Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội; bản mềm qua email: vattunhihn@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 07 tháng 10 năm 2025 đến trước 16h30 ngày 17 tháng 10 năm 2025

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm (Phụ lục kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp giao hàng: Bệnh viện Nhi Hà Nội (Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội)

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2025

4. Báo giá chi tiết (Biểu mẫu kèm theo).

5. Các thông tin khác (nếu có)

- Đề nghị các công ty thực hiện lấy file mẫu, thực hiện lập báo giá qua hệ thống cổng thông tin điện tử của bệnh viện Nhi Hà Nội <https://nhihanoi.vn>.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị! ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn>;
- <https://nhihanoi.vn>;
- <https://muasamcong.mpi.gov.vn>;
- Lưu: VT, VTTBYT.



Ngô Quang Hùng

Phụ lục 01

(Kèm theo Công văn số 1065 /BVNHN-VTTBYT ngày 07/10/2025
của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Vật tư lọc màng bụng					
1	Túi đựng dịch xả	Sản phẩm này được sử dụng kết nối với bộ cassette lọc màng bụng tự động. Dùng để thu thập dịch thải ra trong điều trị lọc màng bụng tự động - Túi thể tích $\geq 15L$	Cái	180	
2	Bộ kết nối máy lọc màng bụng (thẩm phân phúc mạc) tự động người lớn	Được sử dụng để truyền dịch lọc trong điều trị lọc màng bụng cho người lớn - Đường kính trong: khoảng 4mm, đường kính ngoài: khoảng 5.97mm - Chất liệu: Polyvinyl Chloride hoặc tương đương, HDPE hoặc tương đương, ABS hoặc tương đương, LDPE hoặc tương đương, PES hoặc tương đương và Acrylic hoặc tương đương - Đường dẫn dịch lọc vô trùng. - Vô trùng bằng khí EO	Cái	120	
3	Bộ kết nối máy lọc màng bụng (thẩm phân phúc mạc) tự động trẻ em	Bộ kết nối máy lọc màng bụng tự động trẻ em được sử dụng cho bệnh nhân nhi hoặc bệnh nhân chỉ có thể vào dịch từ 60 - 1000 ml. - Đường kính trong: 4mm, đường kính ngoài: 5.97mm. - Chất liệu: Polyvinyl Chloride hoặc tương đương, HDPE hoặc tương đương, ABS hoặc tương đương, LDPE hoặc tương đương, PES hoặc tương đương và Acrylic hoặc tương đương, Synthetic polyisoprene hoặc tương đương. - Đường dẫn dịch lọc vô trùng. Vô trùng bằng khí EO	Cái	60	
4	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông - Chất liệu bằng Titanium hoặc tương đương - Vô trùng không chứa chất gây sốt. Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	10	
5	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	Thiết bị là nắp đóng được sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp có chứa Povidon - Iod - Chất liệu: + Nắp nhựa: LDPE trắng hoặc tương đương + Miếng xốp thấm Povidon - Iod: Bọt polyurethane hoặc tương đương	Cái	44,460	
6	Kẹp Catheter	Dùng để kẹp catheter lọc màng bụng	Cái	60	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Chất liệu polypropylene hoặc tương đương - Tiệt khuẩn bằng khí EO			
7	Kẹp thay dịch	Kẹp dùng để hỗ trợ cho việc lắp và tháo rời đầu nối bộ lọc màng bụng khỏi Dung dịch lọc màng bụng. - Kích thước: 9,6cm x 13cm ±10%	Cái	60	
8	Catheter (Ống thông) lọc màng bụng thẳng dài 31cm	Catheter (Ống thông) lọc màng bụng sử dụng để đưa dung dịch thẩm tách vào hoặc xả dịch ra thông qua hệ thống ống đơn lòng - Chứa một dải cân quang dọc chiều dài catheter - Chiều dài khoảng 31cm, đầu dạng thẳng	Cái	2	
9	Catheter (Ống thông) lọc màng bụng đầu cong dài 63cm	Catheter (Ống thông) lọc màng bụng sử dụng để đưa dung dịch thẩm tách vào hoặc xả dịch ra thông qua hệ thống ống đơn lòng - Chứa một dải cân quang dọc chiều dài catheter. - Chiều dài khoảng 63 cm, đầu dạng cong - Chất liệu: Silicone hoặc tương đương	Cái	8	
10	Bộ chuyển tiếp	Bộ chuyển tiếp (transfer set) sử dụng trong lọc màng bụng: - Bao gồm một đầu nối khóa cái, ống nhựa và một đầu nối khóa vận kép (đầu đực). - Được kết nối với đầu nối Titan dùng cho ống thông lọc màng bụng. - Chiều dài: ≥9.685 inch, chiều rộng khoảng 0.65 inch (điểm rộng nhất). - Chất liệu: Polyethylene hoặc tương đương, polysulfone, PBT hoặc tương đương, silicone hoặc tương đương, polyester hoặc tương đương - Sản phẩm vô trùng, được tiệt trùng bằng khí EO	Cái	60	

II .Vật tư thận nhân tạo dùng cho máy

1	Kim chạy thận nhân tạo	* Kim (AVF canula): - Kim: thép không gỉ SUS 304 hoặc tương đương - Chiều dài kim: ≥25mm - Đường kính trong kim: khoảng 1,27mm - Đường kính ngoài kim: khoảng 1,40mm - Đầu kim 3 mặt vát hình chữ V, Dây gắn với kim (AVF Tube) - Dây nối mềm mại, bằng nguyên liệu Polyvinylchloride hoặc tương đương, không chứa PYROGENIC và không LATEX - Chiều dài dây nối: ≥300mm - Đường kính trong dây: khoảng 3,5mm - Đường kính ngoài dây: khoảng 5,5mm - Đầu nối với dây máu trong suốt làm từ Polycarbonate hoặc tương đương - Đầu nối Luerlock	Cái	3000	
---	------------------------	---	-----	------	--

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Tiệt trùng khí EO			
2	Bộ dây máu dùng trong lọc máu nhân tạo	- Dây được làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride hoặc tương đương, không Pyrogenic hoặc tương đương, không Latex. hoặc tương đương - Tổng chiều dài dây: dây tĩnh mạch $\geq 2825\text{mm}$, dây động mạch $\geq 3685\text{mm}$. Thể tích mỗi: $\leq 138\text{ml}$ - Bầu máu có cổng tiêm thuốc linh hoạt. - Kích cỡ dây phần tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài): $\leq 6,35 \times 9,75 \times 370\text{mm}$	Bộ	168	
3	Quả lọc thận nhân tạo cỡ 0,9 m2	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate hoặc tương đương - Diện tích: $\leq 0,9 \text{ m}^2$. - Thể tích mỗi: $\leq 56 \text{ ml}$. - Hệ số siêu lọc: $\geq 212 \text{ (mL/giờ/mmHg)}$. - Độ dày thành sợi: $15 \mu\text{m}$. - Vỏ quả lọc: Polypropylene hoặc tương đương - Độ thanh thải (Qb: 300ml/min): Ure: $\geq 234 \text{ ml/min}$; Creatinine : $\geq 200 \text{ ml/min}$ Phosphate: $\geq 165\text{ml/min}$ Vitamin B12: $\geq 96 \text{ ml/min}$ - Tiệt trùng: Tia Gamma	Quả	48	
4	Quả lọc thận nhân tạo cỡ 1,1m2	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate hoặc tương đương - Diện tích: $\leq 1,1 \text{ m}^2$. - Thể tích mỗi: $\leq 68 \text{ ml}$. - Hệ số siêu lọc: $\geq 214 \text{ (mL/giờ/mmHg)}$. - Độ dày thành sợi: $15 \mu\text{m}$. - Vỏ quả lọc: Polypropylene hoặc tương đương - Độ thanh thải (Qb: 300ml/min): Ure: $\geq 247 \text{ ml/min}$; (KoA: 689) Creatinine : $\geq 214 \text{ ml/min}$ Phosphate: $\geq 178 \text{ ml/min}$ Vitamin B12: $\geq 101 \text{ ml/min}$ - Tiệt trùng: Tia Gamma hoặc tương đương	Quả	72	
5	Quả lọc thận nhân tạo cỡ 1,3m2	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate hoặc tương đương - Diện tích: $\leq 1,3 \text{ m}^2$. - Thể tích mỗi: $\leq 78 \text{ ml}$. - Hệ số siêu lọc: $\geq 217 \text{ (mL/giờ/mmHg)}$. - Độ dày thành sợi: $15 \mu\text{m}$. - Vỏ quả lọc: Polypropylene hoặc tương đương - Độ thanh thải (Qb: 300ml/min):	Quả	48	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Ure: ≥ 2263 ml/min; (KoA: 778) Creatinine : ≥ 2229 ml/min Phosphate: ≥ 2192 ml/min Vitamin B12: ≥ 2116 ml/min - Tiệt trùng: Tia Gamma hoặc tương đương			
6	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Dịch A)	- Thành phần trong 1 lít dung dịch gồm: Natri clorid: khoảng 210,68 g Kali clorid: khoảng 5,22 g Calci clorid.2H ₂ O: khoảng 9,00 g Magnesi clorid.6H ₂ O: khoảng 3,56 g Acid acetic băng: khoảng 6,31g Glucose.H ₂ O: khoảng 38,50 g (=35,00g Glucose khan) Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3 vừa đủ: 1 lít	Can	288	
7	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Dịch B)	- Thành phần trong 1 lít dung dịch gồm: Natri bicarbonat: 84,00 g Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3 vừa đủ: 1 lít.	Can	360	
8	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn màng lọc, máy thận nhân tạo	Thành phần: -Hydrogen Peroxide 19% hoặc tương đương -Acid peracetic 4,5% hoặc tương đương	Can	3	
9	Phin lọc khí	Phin lọc khí kiểm soát áp lực giúp ngăn ngừa nhiễm chéo trên đường dịch. Màng lọc ngăn vi khuẩn, vi rút với đường kính lỗ lọc 0.1 microns. Nắp đậy trên từng phin lọc đáp ứng kỹ thuật vô khuẩn.	Cái	1000	

III. Vật tư dùng cho máy lọc máu liên tục Prismaflex

1	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu size 8F	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: thermosensitive PUR hoặc tương đương Kích thước: (OD): 8F Chiều dài: ≥ 150 mm Đóng gói: (1) catheter, (1) Kim luồn, (1) dây luồn J-tip 0.035" x 700 mm, (2) nắp đậy tiêm truyền , (1) nong mạch 8F x 150 mm, (1) gạc	Bộ	20	
2	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu size 6,5F dài 100mm	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: thermosensitive PUR hoặc tương đương Kích thước (OD): 6.5F Chiều dài: ≥ 100 mm Đóng gói: (1) catheter, (1) Kim luồn, (1) dây luồn J-tip 0.028" x 500 mm, (2) nắp đậy tiêm truyền , (1) nong mạch 7F x 150 mm, (1) gạc	Bộ	20	
3	Quả lọc máu liên tục dùng cho trẻ nhỏ	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây máu cho bệnh nhân có trọng lượng tối thiểu 11 kg. Diện tích màng lọc: ≥ 0.6 m ²	Quả	20	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Thể tích máu trong quả lọc : ≥ 93 ml ($\pm 10\%$) Tương thích với máy Prismaflex			
4	Quả lọc máu liên tục dùng cho trẻ lớn	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây máu cho bệnh nhân có trọng lượng tối thiểu 30 kg. Diện tích màng lọc: ≥ 0.9 m ² Thể tích máu trong quả lọc : ≥ 152 ml ($\pm 10\%$) Tương thích với máy Prismaflex	Quả	15	
5	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu size 11F	Catheter 2 nòng dùng trong lọc máu Chất liệu: thermosensitive PUR hoặc tương đương Kích thước: (OD): 11F Chiều dài: ≥ 200 mm Đóng gói: (1) catheter, (1) Kim luồn, (1) dây luồn J-tip 0.038" x 700 mm, (2) nắp đậy tiêm truyền , (1) nong mạch 11F x 150 mm, (1) gạc	Bộ	15	
6	Quả lọc máu liên tục dùng cho trẻ sơ sinh và nhi nhi	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây máu cho bệnh nhân có trọng lượng tối thiểu 8 kg. Chất liệu màng lọc Polyarylethersulfone hoặc tương đương Diện tích màng lọc: 0.2 m ² Thể tích máu trong quả lọc : 60 ml ($\pm 10\%$) Độ dày thành sợi lọc : 50 μ m Tốc độ máu tối thiểu 20ml/phút Tốc độ máu tối đa 100ml/ phút Tương thích với máy Prismaflex	Quả	20	
7	Quả lọc thay huyết tương cho trẻ nhỏ	Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn Thể tích máu của cả bộ quả lọc 73ml $\pm 10\%$ Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene hoặc tương đương Đường kính trong của dây lọc 330 μ m Độ dày thành sợi lọc: 150 μ m Thể tích máu trong sợi lọc: 22ml $\pm 10\%$ Tương thích với máy Prismaflex	Quả	2	
8	Túi làm ấm máu cho máy làm ấm máu	Túi làm ấm máu gồm 1 túi, 2 bộ ống dây và các đầu nối luer. Được tiệt trùng bằng oxit etylen (ETO), vô trùng không có độc tố, không làm từ cao su tự nhiên. Thể tích mỗi của túi: 27 mL +/- 10%. Có thể sử dụng tối đa 72 giờ. Tương thích với máy Prismaflex	Túi	20	
9	Túi đựng dịch thải 5L	Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn (Ø 8 mm) để làm nơi dẫn lưu. Chất liệu: PVC. không có DEHP, không có Latex. Thể tích: ≥ 5 L	Cái	20	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Tương thích với máy Prismaflex			
III.Vật tư y tế tiêu hao khác					
1	Giấy điện tim	Giấy điện tim 12 kênh Chiều rộng giấy: 210 mm. Chiều dài: 21.3m Tương thích với máy điện tim 12 kênh hãng Welch Allyn ELI230	Cuộn	100	
2	Quả lọc nước đầu vòi	Màng lọc đạt chứng nhận kiểm tra trên vi khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM F838 Vật liệu vỏ ngoài: Polypropylene hoặc tương đương Vỏ ngoài có bổ sung Ion Bạc giúp ngăn ngừa nhiễm vi sinh Màng lọc: tối thiểu 2 lớp bằng Polyethersulfone (PES) hoặc tương đương. Kích thước lỗ: $\leq 0.2\mu\text{m}$. Thời gian sử dụng: ≥ 30 ngày	Quả	30	
3	Bộ thử đường huyết				
3.1	Máy thử đường huyết	- Đo được 4 loại máu: mao mạch, tĩnh mạch, động mạch toàn phần và máu sơ sinh - Phạm vi đo: 0,6-33,3 mmol/L - Có công nghệ cho phép nạp thêm máu trên cùng que thử trong thời gian 60 giây. - Có kết quả trong 5s.	Máy	3	
3.2	Que thử đường huyết	Phạm vi đo: 0,6 - 33,3mmol/L - Đo được các loại máu: mao mạch, tĩnh mạch, động mạch toàn phần, máu trẻ sơ sinh. - Thời gian đo: ≤ 5 giây. Mẫu máu đo: $\leq 0,6\mu\text{L}$ - Nạp thêm máu lần 2 trong 60s	Que	200	

Phụ lục 02

(Kèm theo Công văn số 1065/BVNHN-VTTBYT ngày 07/10/2025
của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Vật tư dùng cho máy thở xâm nhập và không xâm nhập của hãng GE Healthcare					
1	Đầu phun khí dung	-Đầu phun sử dụng cho 1 bệnh nhân. -Sử dụng công nghệ màng phun dao động điện – màng rung đục 1000 lỗ nhỏ, dao động với tần số 128 000 lần/giây.	Cái	10	
2	Đầu nối chữ T dùng cho bộ dây thở dùng 1 lần	- Co chữ T loại dùng 1 lần cho máy phun khí dung. - Đường kính kết nối với dây thở: 22mm/15mm/10mm	Cái	10	
3	Dây cáp nối khí dung cho máy thở	- Kết nối chuẩn với máy thở xâm nhập và không xâm nhập của hãng GE Healthcare Model: R860 và đầu phun khí dung - Chiều dài cáp nối: $\geq 1.8\text{m}$	Cái	01	
II. Công cụ dụng cụ y tế					
1	Ổng nội soi tai dùng trong y tế, góc 0 độ, dài 110mm.	Ổng nội soi tai dùng trong y tế, góc soi quan sát 0 độ, phi 2.7mmx110mm.	Cái	04	
2	Ổng nội soi mũi dùng trong y tế, góc 0 độ, dài 175mm.	Ổng nội soi mũi dùng trong y tế, góc soi quan sát 0 độ, phi 2.7mmx175mm.	Cái	02	
3	Bàn thí nghiệm	Có kích thước khoảng: L1500*D750*H800 (mm) Vật liệu mặt bàn: Tấm chuyên dụng Phenolic hoặc tương đương Vật liệu khung: Thép sơn tĩnh điện Hộc tủ bao gồm 02 ngăn kéo và 02 tủ một cánh bằng gỗ chống ẩm.	Cái	35	
4	Bàn thí nghiệm giặt cấp	Có kích thước khoảng: L1200*D750*H1100 (mm), có thiết kế giặt cấp Có hộc cố định và tủ Vật liệu mặt bàn: Tấm chuyên dụng Phenolic hoặc tương đương Vật liệu khung: Thép sơn tĩnh điện Phụ kiện: tấm chắn/vách ngăn mica trong suốt chiều dài 1200mm - cao 680mm, dày 3-5mm, khe giữa (đưa tay/đồ vật): rộng 300 mm, cao 150 mm	Cái	04	
5	Bàn thí nghiệm chậu rửa	Có kích thước: L1200*D750*H800 (mm) Vật liệu mặt bàn: Tấm chuyên dụng Phenolic hoặc tương đương Có hộc tủ cố định Có Vòi rửa 3 nhánh Giá treo dụng cụ	Cái	02	
6	Bàn thí nghiệm để máy ly tâm	Có kích thước khoảng L1500*D750*H800 (mm) Vật liệu mặt bàn: Tấm chuyên dụng Phenolic	Cái	04	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		hoặc tương đương Có học tủ cố định			
7	PASSBOX (Hộp trung chuyển)	Thiết kế nhỏ gọn, vuông vắn dễ dàng mang vác, thao tác và lắp đặt, thuận tiện khi sử dụng. Kích thước vùng làm việc $\geq 500 \times 500 \times 500$ mm Hệ thống khóa liên động bằng điện hoặc cơ Pass Box có đèn diệt khuẩn UV, khi đóng cửa đèn UV có tính năng tự động bật để diệt khuẩn. Chất liệu Inox 304 Cửa sổ: Kính cường lực trong suốt	Cái	02	
8	Đèn UV khử trùng phòng	Gồm 2 bóng UV dài 90 cm Có 4 bánh xe di động Điều chỉnh góc nghiêng từ 0-180 độ Phụ kiện đi kèm: Điều khiển từ xa Chất liệu ABS, kim loại Bước sóng 253.7nm	Cái	04	
9	Tủ mát	- Tủ chính: 01 cái - Kệ/ giá: ≥ 4 cái Đóng tuyết : Không Chất liệu dàn lạnh: Đồng Công nghệ tiết kiệm điện : Inverter Nhiệt độ: Khoảng từ 0°C ~ 10°C Dung tích tổng: 400 lít Kiểu tủ đứng	Cái	30	
10	Tủ đông	- Tủ chính: 01 cái, 1 cánh - 1 ngăn đông, > 5 hộc. Dung tích sử dụng: >200 lít Kích thước (D x R x C mm): >540 x 550 x 1600(mm) Nhiệt độ: 0°C → -18°C Bảo quản ổn định ở nhiệt độ $\leq -15^\circ\text{C}$	Cái	05	
11	Micropipette đơn kênh dung tích: 100-1000ul	- Micropipette thể tích thay đổi từ 100 – 1000 μL + Độ chính xác tương ứng ở 1000 μL là $\pm 6\mu\text{L}$ ($\pm 0.6\%$) + Sai số tương ứng ở 1000 μL là $\pm 2\mu\text{L}$ ($\pm 0.2\%$)	Cái	06	
12	Micropipette đơn kênh dung tích: 20-200ul	- Micropipette thể tích thay đổi từ 20 – 200 μL + Độ chính xác tương ứng ở 200 μL là $\pm 1.2\mu\text{L}$ ($\pm 0.6\%$) + Sai số tương ứng ở 200 μL là $\pm 0.4\mu\text{L}$ ($\pm 0.2\%$).	Cái	05	
13	Micropipette đơn kênh dung tích: 10-100ul	- Micropipette thể tích thay đổi từ 10 – 100 μL + Độ chính xác tương ứng ở 100 μL là $\pm 0.8\mu\text{L}$ ($\pm 0.8\%$) + Sai số tương ứng ở $\pm 100\mu\text{L}$ là 0.2 μL ($\pm 0.2\%$)	Cái	06	
14	Micropipette đơn kênh dung tích: 0.5-10ul	- Micropipette thể tích thay đổi từ 0.5-10 μL + Độ chính xác tương ứng ở 10 μL là $\pm 0.1\mu\text{L}$ ($\pm 1\%$) + Sai số tương ứng ở 2.5 μL là 0.04 μL ($\pm 0.4\%$)	Cái	05	
15	Micropipette đơn kênh dung tích: 2-20ul	- Micropipette thể tích thay đổi từ 20 – 200 μL + Độ chính xác tương ứng ở 200 μL là $\pm 1.2\mu\text{L}$ ($\pm 0.6\%$) + Sai số tương ứng ở 200 μL là	Cái	03	

TT	Tên vật tư y tế tiêu hao	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		$\pm 0.4\mu\text{l}$ ($\pm 0.2\%$).			
16	Giá đỡ Pipet	Giá đỡ Micropipette ≥ 5 vị trí Dạng chữ T, thanh ngang chắc chắn với khe cắm cho mỗi pipet	Cái	10	
17	Đồng hồ bấm giờ đếm ngược	Đếm ngược đến 99 phút 59 giây. Tự động trở lại thời gian đếm ngược đã đặt sau khi đếm ngược được hoàn thành; Khi kết thúc đếm ngược, sẽ có âm báo	Cái	10	
18	Ấm kế nhiệt kế thường	Khoảng đo: từ $\leq 20 \rightarrow \geq 40$ độ C (nhiệt độ), 10 - 90% (độ ẩm)	Cái	30	
19	Xe tiêm	Xe tiêm chính: 1 cái Bánh xe: ≥ 04 cái Cây treo dịch truyền: ≥ 1 cái Thùng rác thải y tế: ≥ 2 cái Hộp đựng file tài liệu: ≥ 1 cái Kệ để đặt máy khử rung tim: ≥ 1 cái Ngăn kéo di động để bác sỹ làm việc: ≥ 1 cái Ổ cắm điện: ≥ 1 cái Miếng chống trượt: ≥ 1 cái Hộp đựng kim tiêm: ≥ 1 cái Móc để giữ chai xi-lanh oxy: ≥ 1 cái Thanh chắn bằng thép không gỉ Mặt trên cùng làm bằng tấm nhựa ABS Ngăn kéo dễ tháo rời, bằng nhựa.	Cái	50	
20	Xe lăn	- Bánh xe: 01 bộ (Bánh trước: 02 cái, bánh sau: 02 cái) - Bàn để chân: 01 bộ - Phanh xe: 1 bộ - Xe có thể gấp gọn - Khung xe thép hoặc Inox - Kích thước tổng thể (Dài x Rộng x Cao) $\geq 900 \times 600 \times 800$ mm - Bánh xe cao su đặc - Trọng tải tối đa: ≥ 90 kg	Cái	10	
21	Bình đựng nước cho bình làm ấm ấm	Đường kính đầu kết nối: 22mm Dung tích chứa nước: 150 ml Vật liệu bền có thể hấp: Polysulfone Dễ dàng lắp đặt Có phao chống tràn nước	Cái	10	Dùng cho máy thở Babylog
22	Bình làm ấm làm ấm	Có chức năng làm ấm làm ấm đường thở cho bệnh nhân. Dùng cho thở xâm lấn và không xâm lấn Phụ kiện đi kèm: cáp kết nối dây gia nhiệt + cảm biến nhiệt độ	Cái	3	Dùng cho máy thở Babylog
23	Bộ dây thở sơ sinh dùng nhiều lần	Bao gồm: 01 đoạn dây dài 130cm; 03 đoạn dây dài 60cm; các đầu cắt kết nối và bẫy nước. Có dây gia nhiệt đi kèm có chức năng làm ấm đường khí thở Vật liệu silicone bền bỉ, sử dụng được nhiều lần Sử dụng cho bệnh nhân sơ sinh	Cái	6	Dùng cho máy thở Babylog
24	Cảm biến SPO2 dùng cho trẻ em	Đầu đo SPO2 tương thích cho máy theo dõi bệnh nhân Model: Monitor B125	Cái	10	Dùng cho Monitor GE
25	Cảm biến SPO2 dùng cho trẻ sơ sinh	Đầu đo SPO2 tương thích cho máy theo dõi bệnh nhân Model: Monitor B125	Cái	10	Dùng cho Monitor GE

Mẫu báo giá

(Công ty....., Địa chỉ..., MST:....., Số Điện thoại liên hệ:.....)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nhi Hà Nội, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho hàng hóa như sau:

1. Báo giá:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)	Kết quả trúng thầu trong thời gian 12 tháng (nếu có)
1													
2													
n	...												

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))